

Tăng trưởng nhờ Masan Consumer

Khuyến nghị: Theo Dõi

Mã Tuấn Minh Hiền (PTCB)

hienmtm@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	89,800
Giá đóng cửa	82,800
Upside	8.45%

Đặng Quang (PTKT)

quangd@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	89,900
Giá cut loss	84,700

Dữ liệu thị trường

Số lượng cp (tr cp)	1,163
Vốn hóa (tỷ đồng)	95,727
Giá cao nhất 52 tuần	114,600
KLGDĐT20 phiên (ng cp)	588,785
Sở hữu nước ngoài	26.77%

Cổ đông lớn

CTCP Masan	31.4%
CT Xây dựng Hoa Hưôn	13.3%
SK Investment Vina	9.5%
Government of Singapo	4.5%

Diễn biến giá (1 năm)



Tổng quan công ty

MSN là doanh nghiệp đầu ngành hoạt động trong 3 lĩnh vực chính:

- (1) **Masan Consumer Holding:** Ngành hàng thực phẩm và đồ uống
- (2) **Masan Nutri-Science:** Ngành hàng thức ăn chăn nuôi và thịt heo
- (3) **Masan Resources:** Khai thác khoáng sản vonfram.

Định giá

Chúng tôi khuyến nghị Theo Dõi cổ phiếu MSN với giá mục tiêu là 89,800 VND/cp dựa theo 2 phương pháp DCF và P/E (50:50) – P/E FW = 18.1x – P/B FW = 2.8x. (P/E median ngành châu Á = 29.28x).

Dự báo kết quả kinh doanh 2019

BSC dự báo KQKD DT và LNST cho công ty mẹ 2019 lần lượt là 42,696 tỷ đồng (+8.43% yoy) và 5,185 tỷ đồng (+5.5% yoy, nếu loại trừ lợi nhuận bất thường 2018 là 1,511 tỷ thì LNST tăng 39.1%) tương ứng EPS FW đạt 4,810 đồng, P/E FW đạt 18.1x và P/B FW đạt 2.8x. BSC giả định (1) DT MCH đạt 20,030 tỷ đồng (+15% yoy) nhờ R&D các dòng sản phẩm mới, MNS đạt 14,519 tỷ đồng (+4% yoy) kỳ vọng phục hồi TANC heo sau khi hết dịch và MSR đạt 6,899 tỷ đồng (+1% yoy) kỳ vọng giá vonfram cải thiện cuối năm; (2) Biên gộp tăng nhẹ 32.2% và chi phí tài chính giảm còn 2,248 tỷ đồng (-27.3% yoy) nhờ MSN giảm nợ vay dài hạn trong năm 2018.

Kế hoạch 2019: DT 2019 kế hoạch từ 45,200 - 50,000 đồng (+18%-31% yoy) và LNST&CĐTS là 5,000-5,500 tỷ đồng (+2%-12% yoy).

Rủi ro: (1) Dịch bệnh tả lợn châu Phi (ASF) vẫn tiếp tục lây nhiễm ảnh hưởng mảng thịt heo của MNS (2) Ngành hàng bia vẫn đang lổ. (3) Chiến tranh thương mại sẽ làm ảnh hưởng giá vonfram toàn cầu.

Cập nhật doanh nghiệp (tiếp tục trang sau):

MSN DTT Q1/2019 đạt 8,160 tỷ đồng (-1.4% yoy) hoàn thành ước tính 17.2% kế hoạch 2019 trong đó:

(1) **MCH đạt 3,790 tỷ đồng (+5.4% yoy)** nhờ vào chiến lược cao cấp hóa các dòng sản phẩm và mở rộng điểm bán giúp nước uống tăng mạnh +28% yoy, mảng gia vị, thực phẩm tiện lợi tăng nhẹ lần lượt +5.2% yoy, +4.5% yoy.

(2) **MNS đạt 3,192 tỷ đồng (-0.3% yoy).** DT từ thức ăn chăn nuôi (TACN) giảm 1.6%, tăng trưởng TACN thủy sản và gia cầm bù lại sự giảm về sản lượng TACN heo. MEATDeli DT Q1/2019 đạt 20 tỷ, tuy nhiên dịch tả lợn châu Phi (ASF) xuất hiện ở tỉnh Hà Nam nên MNS đã tạm ngừng hoạt động nhà máy này. Kỳ vọng sẽ phục hồi trong 2H2019.

(3) **MSR đạt 1,188 tỷ đồng (-20.1% yoy)** do giá trung bình vonfram thấp hơn 17% yoy và hàm lượng khai thác tinh quặng thấp hơn làm biên gộp giảm. Kỳ vọng giá vonfram tăng lại trong 2H2019 nhờ nhu cầu TQ tăng.

Biên lợi nhuận gộp MSN Q1 2019 đạt 30.2% giảm 3.19% so với cùng kỳ: chủ yếu do chi phí nguyên liệu tăng cao, trong đó so với cùng kỳ MCH Q1/19 đạt 42.1% (giảm -4.9%), MNS đạt 15.9% (giảm -1.3%), và MSR đạt 29.8% (giảm -4.7%). Tỷ lệ SG&A/DTT Q1/2019 đạt 16% giảm -1% so với cùng kỳ. Chi phí tài chính thuần trong Q1/2019 đạt 457 tỷ đồng (-34.3% yoy). Số dư nợ trung bình MSN Q1/2019 là 22.6 nghìn tỷ (-34.8% yoy).

LNST phân bổ cho công ty đạt 865 tỷ đồng (+6% yoy) hoàn thành ước tính 16.5% kế hoạch 2019.

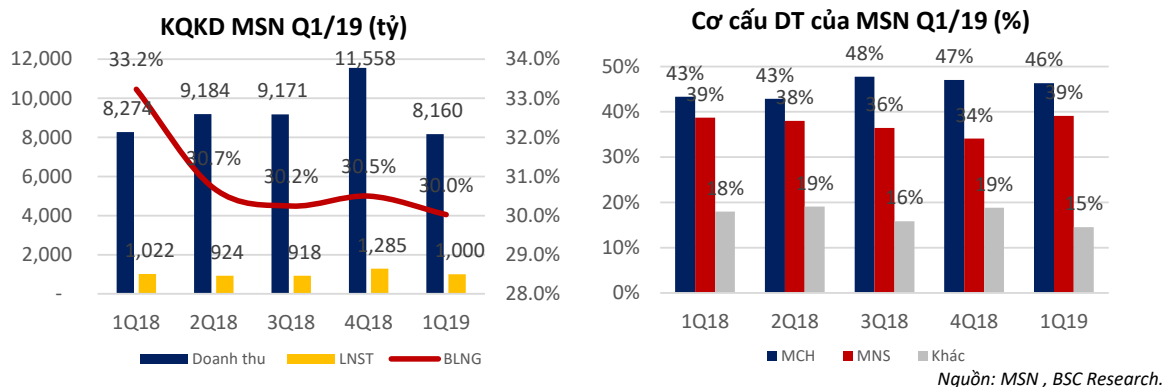
Các báo cáo khác

[\(link\)](#)

Cập nhật tình hình KQKD MSN Q1/2019

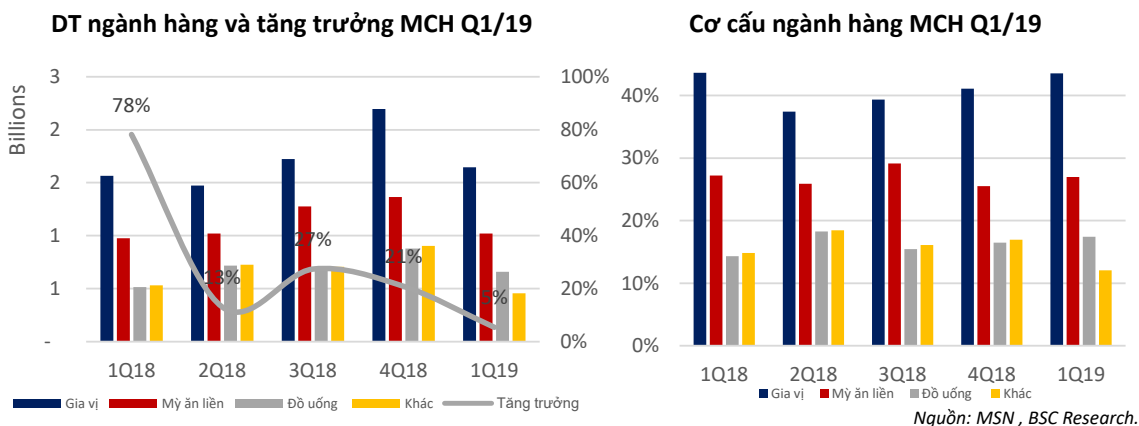
MSN DTT Q1/2019 đạt 8,160 tỷ đồng (-1.4% yoy) hoàn thành ước tính 17.2% kế hoạch 2019. Doanh thu của MCH đóng góp lớn nhất cho Masan đạt 3,780 tỷ đồng (+5% yoy) chiếm tỷ trọng 46%, DT MNS giảm nhẹ đạt 3,191.8 tỷ đồng (-0.3% yoy) chiếm tỷ trọng 39% và DT khác bao gồm MSR giảm mạnh đạt 1,188.2 tỷ đồng (-20% yoy) chiếm tỷ trọng 14%. BLNG MSN Q1/2019 đạt 30.2% (giảm -3.19%) trong đó: MCH Q1/19 giảm còn 42.1% (-4.9% yoy), MNS giảm còn 15.9% (-1.3% yoy), và MSR đạt 29.8% (giảm -4.7%). Biên EBITDA đạt 26% trong Q1/2019 thấp hơn 2% so với cùng kỳ là 28% tuy nhiên vẫn cao hơn trung bình năm 2018 là 24% nhờ cơ cấu lớn 61% vào Gia vị và Đồ uống với BLNG cao.

LNST&CĐTS đạt 865 tỷ đồng (+6% yoy) hoàn thành ước tính 16.5% kế hoạch 2019. Qua đó, chúng tôi đánh giá MSN sẽ hoàn thành kế hoạch LNST 5,000 tỷ nhờ giảm chi phí lãi vay 1,000 tỷ đồng, tuy nhiên tăng trưởng cốt lõi từ MNS và MSR sẽ khó khăn khi dịch bệnh ASF ảnh hưởng tới MNS và giá các tài nguyên giảm ảnh hưởng tới MSR.



(1) MCH đạt 3,790 tỷ đồng (+5.4% yoy) nhờ vào cao cấp hóa các dòng sản phẩm và mở rộng điểm bán, trong đó:

- Ngành hàng nước uống tăng mạnh +28% yoy chiếm tỷ trọng 17% DT nhờ đẩy mạnh mở rộng điểm bán từ 150 ngàn điểm bán trong 2018 lên 200 ngàn điểm cho 2019 và 300 ngàn điểm cho 2020. Bên cạnh đó, MCH tung ra nhiều dòng sản phẩm mới như nước tăng lực Compact, 247, nước khoáng cao cấp Vivant,... và nhận được phản hồi tốt từ khách hàng.
- Mảng gia vị, thực phẩm tiện lợi tăng nhẹ lần lượt +5.2% yoy, +4.5% yoy chiếm tỷ trọng lần lượt 45% và 25%. Tốc độ tăng trưởng chậm lại có thể do ảnh hưởng thông tin không tốt từ scandal nước chấm công nghiệp và thu hồi tương ớt Chinsu ở Nhật trong Q1/19.



- Mảng gia vị, thực phẩm tiện lợi tăng nhẹ lần lượt +5.2% yoy, +4.5% yoy chiếm tỷ trọng lần lượt 45% và 25%. Tốc độ tăng trưởng chậm lại có thể do ảnh hưởng thông tin không tốt từ scandal nước chấm công nghiệp và thu hồi tương ớt Chinsu ở Nhật trong Q1/19.
- Nhóm sản phẩm cafe, thịt chế biến và bia tăng trưởng âm -14% yoy nhưng chỉ chiếm 8% tỷ trọng DT nên không ảnh hưởng lớn.

MCH sẽ đưa ra tổng cộng 40 sản phẩm với những cải tiến mới tập trung ở 4 ngành hàng chính là gia vị, thực phẩm tiện lợi, nước uống - cafe và thịt chế biến. Qua đó, chúng tôi cho rằng MCH sẽ là động lực tăng trưởng chính cho MSN trong 2019 với tăng trưởng DT 10%-15% nếu kế hoạch ra mắt sản phẩm mới của MCH thành công.

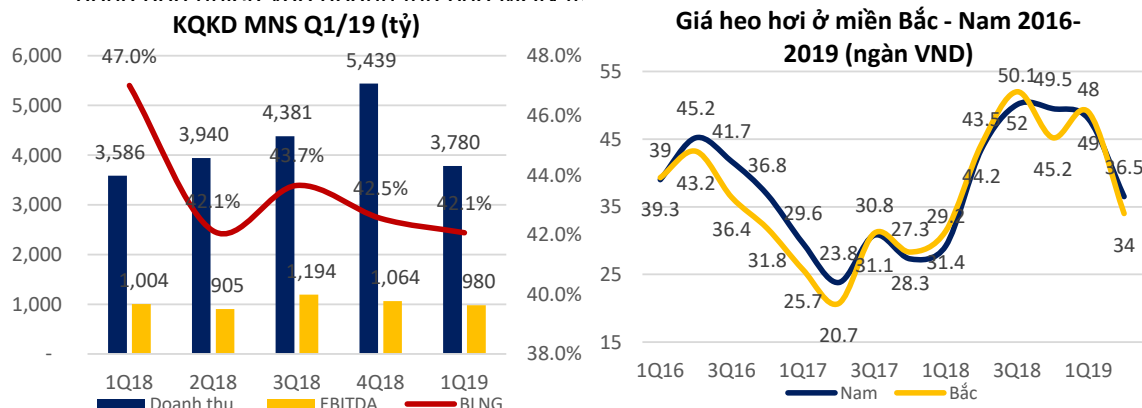
Ngành hàng MCH	1Q19	2Q19	3Q19	4Q19
Gia vị	1	4	4	3
Thực phẩm tiện lợi	1	7	7	
Nước uống - Café	1	3	6	
Thịt chế biến	1	1	1	
Tổng	4	15	18	3

Nguồn: MSN, BSC Research.

(2) MNS đạt 3,192 tỷ đồng (-0.3% yoy). DT từ thức ăn chăn nuôi (TACN) giảm 1.6% yoy, tăng trưởng TACN thủy sản và gia cầm bù lại sự giảm về sản lượng TACN heo, trong đó TACN heo, thủy sản và gia cầm chiếm tỷ trọng lần lượt 50%, 30% và 20%. Tuy nhiên dịch tả lợn châu Phi (ASF) xuất hiện ở tỉnh Hà Nam cách nhà máy chế biến thịt 2km nên MNS đã tạm ngừng hoạt động nhà máy này.

-Sự bùng phát của dịch bệnh ASF ở miền Bắc đã làm giảm giá lợn hơi 34,000 VND/kg (-23% yoy) và ở miền Nam giá lợn hơi vẫn ở mức trên 37,000 VND/kg (-10% yoy). Qua đó, MNS kỳ vọng giá lợn hơi có thể sẽ hồi phục trở lại sau khi dịch bệnh ASF qua đi trong 2H2019, giúp cho nhu cầu tiêu thụ lại các sản phẩm TACN heo sẽ quay trở lại.

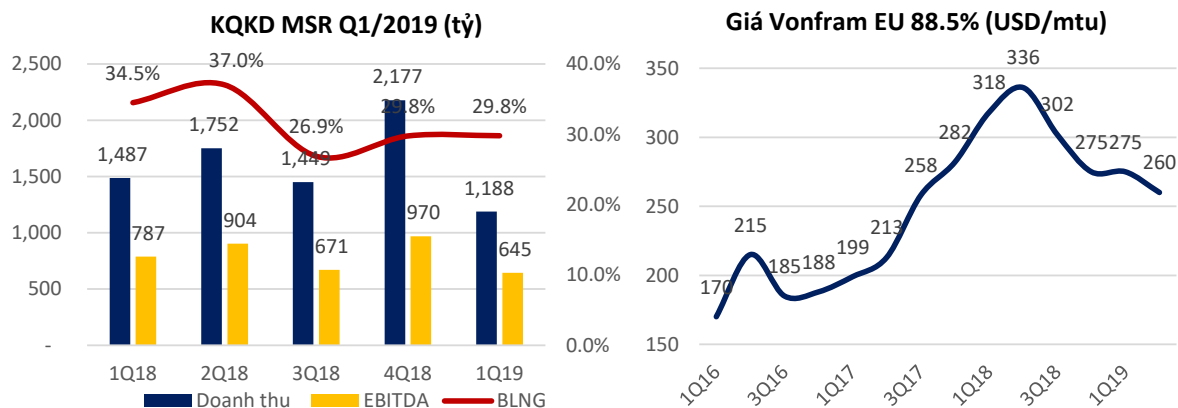
MEATDeli DT Q1/2019 đạt 20 tỷ, hiện MEATDeli đang đẩy mạnh 3 kênh phân phối sản phẩm thịt heo (1) Chuỗi cửa hàng MEATDeli với kế hoạch 2019 mở mới 25 cửa hàng (Q1/2019 đã mở 5 cửa hàng); (2) Kênh hiện đại (MT) phủ 100% chuỗi cửa hàng của Vinmart (3) Kênh truyền thống (GT) mở rộng 250 cửa hàng đại lý MEATDeli ở các chợ truyền thống. Tổng giá trị đầu tư cho MEATDeli 2019 đạt 315 tỷ VND qua đó việc xây dựng kênh phân phối cho MEATDeli trong giai đoạn này rất quan trọng nhằm mở rộng nhận diện thương hiệu. Chúng tôi lưu ý hiện MEATDeli vẫn trong giai đoạn thử nghiệm và chưa thể đóng góp nhiều vào doanh thu cho MSN trong 2019



Nguồn: MSN, BSC Research.

(3) MSR đạt 1,188 tỷ đồng (-20.1% yoy) do hàm lượng khai thác tinh quặng giảm 18% khiến biên gộp giảm và giá trung bình vonfram giảm 17% yoy. DT bị ảnh hưởng bởi giá của vonfram, bismuth và đồng giảm lần lượt -17% yoy, 31% yoy và 11% yoy; tuy nhiên fluorit lại tăng 8% yoy. Riêng thị trường Vonfram, giá vonfram giảm do sự dịch chuyển cơ cấu về nguồn cung vẫn tiếp tục diễn ra tại Trung Quốc khi chính phủ thực thi các chính sách nghiêm ngặt về môi trường. Bên cạnh đó, thường Q1 có dịp nghỉ Tết nên làm cho thanh khoản thị trường giảm mạnh khiến giá nguyên liệu vonfram giảm. Lợi nhuận gộp đạt 354 tỷ đồng (-30.9% yoy) với biên gộp đạt 29.8% thấp hơn cùng kỳ (Q1/2018 =34.5%) nguyên nhân đến từ hàm lượng đầu vào vonfram giảm 18% do phải mua tinh quặng từ bên thứ ba với sản lượng 258 tấn vật liệu ước tính chiếm 17% sản lượng vonfram Q1 nhằm đảm bảo sản lượng thành phẩm APT.

LNST đạt 1.47 tỷ đồng (-99% yoy) ngoài ra còn bị tác động từ việc chi phí tài chính tăng 306.4 tỷ (+7.8% yoy). Chúng tôi cho rằng tình hình thị trường vonfram hiện đang khó khăn trong năm 2019 do ảnh hưởng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung khi Mỹ áp 20% thuế lên 200 tỷ giá trị hàng hóa nhập khẩu có sản phẩm vonfram từ Trung Quốc tuy nhiên sẽ hồi phục lại trong 2H2019 nhờ hàng tồn kho APT Châu Âu còn khá thấp và công cuộc củng cố ngành công nghiệp dầu khí, hàng không và vũ trụ Trung Quốc đang tiếp diễn nên nhu cầu vonfram sẽ tăng.



Nguồn: MSN, BSC Research.

Kế hoạch MNS 2019: MSN đạt kế hoạch DT là 45,200 - 50,000 tỷ đồng (+18%-31% yoy), trong đó: **(1)** MCH đạt kế hoạch DT đạt 20,815 - 23,417 tỷ đồng (+20%-35% yoy); **(2)** MNS đạt kế hoạch DT 16,772 - 18,170 tỷ đồng (+20%-30% yoy) trong đó mảng TANC dự kiến tăng trưởng 10%-15%; mảng thịt sạch MEATDeli sẽ đóng góp 10% vào DTHN MNS; **(3)** Khoáng sản MSR dự kiến DT đạt 7,700-8,500 tỷ đồng (+12-22% yoy).

-MNS đạt LNST&CĐTTS là 5,000-5,500 tỷ đồng (+2%-12% yoy, nếu loại trừ lợi nhuận bất thường 2018 thì tăng 44-58% yoy). Chúng tôi đánh giá MSN sẽ khó đạt được kế hoạch DT do ảnh hưởng của dịch bệnh và giá vonfram giảm nên làm 2 mảng MNS và MSR không đạt được kế hoạch, mảng MCH sẽ là điểm sáng của MNS nếu thực hiện thành công kế hoạch sản phẩm mới. Bên cạnh đó, MSN sẽ tiếp kiệm được 1,000 tỷ đồng chi phí lãi vay từ việc thanh toán 12.5 ngàn tỷ đồng nợ vay nên sẽ giúp MSN hoàn thành kế hoạch LNST.

Dự báo kết quả kinh doanh 2019: BSC dự báo KQKD DT và LNST cho công ty mẹ 2019 lần lượt là 42,696 tỷ đồng (+8.43% yoy) và 5,185 tỷ đồng (+5.5% yoy, nếu loại trừ lợi nhuận bất thường 2018 là 1,511 tỷ thì LNST tăng 39.1%) tương ứng EPS FW đạt 4,810 đồng, P/E FW đạt 18.1x và P/B FW đạt 2.8x.

Chúng tôi giả định **(1)** DT MCH đạt 20,030 tỷ đồng (+15% yoy) nhờ ra mắt 40 dòng sản phẩm mới (1Q19 đã ra mắt 4 sản phẩm mới), MNS đạt 14,519 tỷ đồng (+4% yoy) kỳ vọng phục hồi TANC heo sau khi hết dịch và MSR đạt 6,899 tỷ đồng (+1% yoy) kỳ vọng giá vonfram cải thiện cuối năm; **(2)** Biên gộp tăng nhẹ 32.2% và chi phí tài chính giảm còn 2,248 tỷ đồng (-27.3% yoy) nhờ MSN giảm nợ vay dài hạn 12,5 ngàn tỷ trong 10/2018.

Định giá: Chúng tôi dự báo giá mục tiêu của MSN đạt 89,800 VND/cp, upside 8.5%, dựa theo 2 phương pháp là P/E và DCF (50:50) với P/E mục tiêu là 20.2x (P/E median ngành châu Á = 29.28x).

Phương pháp	Định giá	Tỷ trọng	FY 2019E
DCF	82,475	50%	41,200
P/E Target - 20.2 x	97,161	50%	48,600
Giá mục tiêu - Theo Dõi			VND 89,800

Báo cáo cập nhật doanh nghiệp
MSN - CTCP Tập đoàn Masan
20/6/2019

BSC

	Q1 2018	Q2 2018	Q3 2018	Q4 2018	Q1 2019
Doanh thu thuần	8,274	9,184	9,171	11,558	8,160
LN gộp	2,762	2,808	2,774	3,539	2,463
DT tài chính	86	1,547	125	143	72
CP tài chính	(781)	(791)	(840)	(678)	(529)
Lãi vay	(757)	(743)	(757)	(539)	(454)
CP bán hàng	(957)	(1,018)	(934)	(1,405)	(813)
CP QLDN	(452)	(479)	(451)	(632)	(490)
Lãi/lỗ HĐKD	1,174	2,536	1,116	1,451	1,150
TNhap khác (ròng)	(2)	(1)	(18)	(11)	(9)
LN trước thuế	1,172	2,535	1,097	1,439	1,141
LN sau thuế	1,022	2,396	918	1,285	1,000
LN CĐ thiếu số	206	181	170	148	134
LN Cty mẹ	816	2,215	748	1,138	865

EPS

TS ngắn hạn	13,163	13,272	13,466	12,500	12,298
Tiền và ĐT ngắn hạn	5,545	6,098	5,562	4,962	3,465
Phải thu ngắn hạn	2,109	1,520	2,224	2,413	2,147
Tồn kho	4,908	4,944	4,903	4,333	5,625
TS ngắn hạn khác	602	711	778	792	1,060
TS dài hạn	48,645	50,881	51,349	52,079	52,764
Phải thu dài hạn	1,450	1,349	1,374	1,377	1,385
TSCĐ	29,273	29,073	28,592	29,204	29,105
TS dở dang dài hạn	2,183	2,137	2,681	2,171	2,512
TS dài hạn khác	3,880	3,900	3,839	3,979	3,968
Tổng TS	61,808	64,153	64,815	64,579	65,062
Nợ phải trả	42,228	42,137	42,542	30,499	30,148
Nợ ngắn hạn	14,565	13,526	13,820	15,796	15,150
Vay ngắn hạn	8,942	8,105	7,546	9,244	10,097
Nợ dài hạn	27,663	28,611	28,723	14,703	14,997
Vay dài hạn	25,655	26,628	26,756	12,752	13,133
Vốn chủ sở hữu	19,580	22,017	22,273	34,080	34,914
Vốn góp	11,574	11,631	11,631	11,631	11,631
LN chưa phân phối	12,361	14,471	15,073	16,193	16,912
Tổng nguồn vốn	61,808	64,153	64,815	64,579	65,062

% yoy DT	-3%	-3%	-3%	14%	-1%
Biên In gộp	33%	31%	30%	31%	30%
Lãi vay/DTT	9%	8%	8%	5%	6%
CP bán hàng/DTT	12%	11%	10%	12%	10.0%
CP QLDN/DTT	5.5%	5.2%	4.9%	5.5%	6.0%
Biên In thuần	12.4%	26.1%	10.0%	11.1%	12.3%

Doanh thu MSN Q1/19 đạt 8.16 ngàn tỷ đồng (-1.2% yoy) chủ yếu do mảng MNS không tăng trưởng và MSR giảm mạnh do giá khoáng sản giảm mạnh,

Tỷ lệ SG&A/DTT Q1/2019 đạt 16% giảm -1% so với cùng kỳ. Chi phí tài chính thuần trong Q1/2019 đạt 457 tỷ đồng (-34.3% yoy). Số dư nợ trung bình MSN Q1/2019 là 22.6 nghìn tỷ (-34.8% yoy).

LNST Q1/19 đạt 1000 tỷ đồng (-2.15% yoy) tương ứng với biên thuần giảm nhẹ còn 12.3%.

Hàng tồn kho đạt 5625 tỷ đồng (+14.6% YoY) do lượng hàng thành phẩm tăng 22.8% , nguyên liệu tăng 17.7% yoy.

Vay dài hạn Q1/2019 đạt 13,133 tỷ đồng (-48.8% yoy) qua đó sẽ làm giảm chi phí nợ vay dự kiến 1,000 tỷ vào năm 2019.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

1. Khả năng thanh toán	Q1 2018	Q2 2018	Q3 2018	Q4 2018	Q1 2019
Hsố TT ngắn hạn	0.90	0.98	0.97	0.79	0.81
Hsố TT nhanh	0.53	0.56	0.56	0.47	0.37
2. Cơ cấu vốn					
TSNH/ TTS	0.21	0.21	0.21	0.19	0.19
TSDH/ TTS	0.79	0.79	0.79	0.81	0.81
Hsố Nợ/ TTS	0.68	0.66	0.66	0.47	0.46
Hsố Nợ/ VCSH	2.16	1.91	1.91	0.89	0.86
Nợ ngắn hạn / TTS	0.24	0.21	0.21	0.24	0.23
Nợ DH / TTS	0.45	0.45	0.44	0.23	0.23
3. Năng lực hoạt động					
Vquay hàng tồn kho	5.0	5.4	5.4	5.7	5.01
Vquay phải thu	39.4	37.3	38.7	32.9	44.74
Vquay phải trả	11.0	11.8	12.0	10.4	12.24
Số ngày HTK	72.9	67.6	67.3	64.1	72.81
Số ngày phải thu	9.3	9.8	9.4	11.1	8.16
Số ngày phải trả	33.2	31.0	30.5	35.1	29.81
CCC	48.88	46.46	46.16	40.13	51.16
4. Khả năng sinh lời					
LNST/DTT (%)	12.4%	26.1%	10.0%	11.1%	12.3%
LNST/VCSH (%)	21.8%	28.3%	27.4%	20.7%	20.5%
LNST/TTS	6.9%	10.0%	10.1%	8.9%	8.7%
LN từ HĐKD/DTT	14.2%	27.6%	12.2%	12.6%	14.1%
5. Mô hình DuPont (5 nhân tố)					
TTS/VCSH	3.22	2.82	2.77	2.36	2.33
DT/TTS	0.59	0.57	0.57	0.60	0.59
EBIT/DT	0.22	0.28	0.28	0.24	0.23
EBT/EBIT	0.60	0.69	0.69	0.69	0.71
lãi ròng/LNTT	0.88	0.91	0.91	0.90	0.90
6. Định giá					
PE	24.4	14.7	15.3	20.8	19.6
PB	6.314	5.2	5.2	3.5	3.4
EPS	3,326	5,206	5,167	4,227	4,485
BVPS	12,829	14,628	15,148	25,351	25,970
7. Tăng trưởng (%)					
TTS	-8.6%	-2.0%	-1.9%	1.7%	5%
Nợ	-4.8%	-8.2%	-11.1%	68.5%	78%
DTT	-3.1%	-3.1%	-2.8%	13.7%	-1%
LN gộp	11.8%	-1.9%	-4.6%	4.3%	-11%
LNST	289.0%	839.8%	-3.2%	-40.0%	-2.2%
EPS					

Hệ số thanh toán ngắn hạn và nhanh đều giảm bớt cho lượng tiền mặt của doanh nghiệp giảm mạnh phục vụ cho việc thanh lý các khoản nợ vay.

Tỉ số Nợ/VCSH của MSN về 0.86 sẽ giúp cho tài chính doanh nghiệp lành mạnh hơn.

Doanh nghiệp hiện đang giảm chiếm dụng vốn , thanh toán tiền cho người bán nhanh hơn cùng kỳ khiến vòng quay dòng tiền tăng.

Tỉ suất sinh lời của doanh nghiệp duy trì ổn định với tỉ số LNST/DT là 12.3%

Chúng tôi cho rằng MSN đang giao dịch với mức P/E là 19.6x hiện đang rẻ hơn so với mức P/E median ngành tiêu dùng khu vực Châu Á là 29.28x.

MSN_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích lũy ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Vận động đi ngang trên đường trung tâm và dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trong vùng mua và xu hướng vận động trong vùng này
- Đường MA: Các đường MA tiếp tục xu hướng tăng độ dốc hướng lên trừ MA 50 tiếp tục giảm nhẹ.

Nhận định: Cổ phiếu MSN đang vận động trong kênh giá 85 – 89. Chỉ báo RSI nằm trong vùng mua và xu hướng duy trì vận động trong vùng này ủng hộ trạng thái tích lũy ngắn hạn. Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy MSN sẽ tiếp tục tích lũy vùng giá trong kênh 86 - 88 ở các phiên tiếp theo. Vận động của tất cả các đường MA tiếp tục hướng lên trừ MA 50 cùng thanh khoản tiếp tục ở duy trì ở trung tính cho thấy MSN sẽ tiếp tục xu hướng tích lũy ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn trước khi gặp ngưỡng kháng cự 94.28.

Khuyến nghị: Có thể mở vị thế ngắn hạn cho MSN ở vùng giá 87.38 – 88.3, chốt lời vùng giá 89.9 – 96 và cắt lỗ nếu MSN mất mốc 84.7.



Nguồn: Amibroker, BSC

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình hoạt động của doanh nghiệp cũng như diễn biến thị trường của cổ phiếu của doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: BSCV <GO>

